

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Tâm;

2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 26, Tổ 58, Khu 8, phường THB, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Trương Ngọc N, sinh năm 1985.

Địa chỉ HKTT: Số 524, ấp TP, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ tạm trú: Số 26, Tổ 58, Khu 8, phường THB, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trương Ngọc N kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2007. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, cự cãi, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không có công việc ổn định, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, khi say xỉn thì anh N thường xuyên bạo hành, chửi mắng xúc phạm chị L, vì thương con nên chị L cho anh N nhiều cơ hội nhưng anh N vẫn không thay đổi, đến tháng 12 năm 2022 thì

anh N bỏ về nhà cha mẹ anh N sinh sống cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thị Yên Nhi, sinh ngày 28/02/2009. Hiện nay, cháu Yên Nhi đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Yên Nhi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trương Ngọc N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh N không có văn bản ghi ý kiến về việc chị L yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn Trương Ngọc N chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt không có lý do tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cần rút kinh nghiệm.

Việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Trương Ngọc N.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Thị Yên Nhi, sinh ngày 28/02/2009 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trương Ngọc N có địa chỉ tại xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, chị L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hồng và anh Việt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trương Ngọc N là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương vào ngày 21/12/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa, anh N không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh N có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng nhiều. Nguyên nhân là vợ chồng không chia sẻ được với nhau trong đời sống chung, khi vợ chồng cự cãi, anh N say xỉn thì chửi mắng, xúc phạm và bạo hành với chị L. Từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn lại được, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung tên Trương Thị Yến Nhi, sinh ngày 28/02/2009. Hiện nay, cháu Yến Nhi đang sống với chị L, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Yến Nhi, anh N không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị L và anh N không còn sống chung thì cháu Yến Nhi sống với chị L, được anh chăm sóc tốt, khỏe mạnh, môi trường sống của cháu đã ổn định, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với chị L thể hiện tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 22/3/2023. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao cháu Yến Nhi cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thị Yến Nhi, phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, anh N không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Trương Ngọc N.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Thị Yến Nhi, sinh ngày 28/02/2009 cho chị Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Chị L và anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002248 ngày 27/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TDM, tỉnh Bình Dương; như vậy chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thanh Tâm – Võ Thị Thủy

Trần Xuân Nữ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện TB;
- CCTHADS huyện TB;
- CCTHADS Tp. TDM,
tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND thị trấn An Thạnh, huyện Thuận An,
tỉnh Bình Dương (ĐKKH số: 287, Quyển số:
02/2007, ngày 21/12/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ